Thống kê các vụ điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá do Việt Nam tiến hành với hàng nhập khẩu

Thời gian cập nhật: 15/03/2018

Nguồn: Hội đồng tư vấn về Phòng vệ thương mại - VCCI

Năm	STT (Tổng số vụ kiện)	Mặt hàng kiện	Tên tiếng Anh	Mã HS sản phẩm	Nước bị kiện	Thời gian nộp đơn kiện	Bên đệ đơn	Quá trình điều tra							Ghi chú/Thông tin cập nhật
								Quyết định khởi kiện	Biện pháp tạm thời			Biện pháp cuối cùng			
									Quyết định	Biên độ	Thời gian	Quyết định	Biên độ	Thời gian	
2016	3	Thép hình chữ H		7216.33.00, 7228.70.10 và 7228.70.90	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông)		Công ty TNHH Posco SS Vina	Quyết định 3993/QĐ-BCT ngày 05/10/2016	Quyết định 957/QĐ-BCT ngày 21/03/2017	21.18 - 36.33%	120 ngày kể từ ngày 05/04/2017	Quyết định 3283/QĐ-BCT ngày 21/08/2017	20.48 - 29.17%	5 năm kể từ ngày 05/09/2017	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc
2016	2	Thép mạ (Tôn mạ)	Plated Steel	7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19; 7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19; 7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.10; 7212.30.20; 7212.30.91; 7212.30.99; 7212.50.11; 7212.50.12; 7212.50.19; 7212.50.21; 7212.50.22; 7212.50.29; 7212.50.91; 7212.50.92; 7212.50.99; 7212.60.10; 7212.60.20; 7212.60.90; 7225.92.90; 7225.99.90; 7226.99.11; 7226.99.19; 7226.99.91; 7226.99.99	1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông); 2. Hàn Quốc	24/12/2015	1. Công ty cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam (CSVC); 2. Công ty TNHH Tôn Phương Nam; 3. Công ty cổ phần Thép Nam Kim; 4. Công ty cổ phần Tôn Đông Á	Quyết định số 818/QĐ-BCT ngày 03/03/2016	Quyết định 3584/QĐ-BCT ngày 01/09/2016	1. Trung Quốc: 4.02 - 38.34% 2. Hàn Quốc: 12.40 - 19%	120 ngày kể từ ngày 16/09/2016	Quyết định 1105/QĐ-BCT ngày 30/03/2017	1. Trung Quốc: 3.17 - 38.34% 2. Hàn Quốc: 7.02 - 19.00%	5 năm kể từ ngày 15/04/2017	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc
2013	1	Thép không gỉ cán nguội	Cold-rolled stainless Steel	7219.32.00; 7219.33.00; 7219.34.00; 7219.35.00; 7219.90.00; 7220.20.10; 7220.20.90; 7220.90.10; 7220.90.90	1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; 2. Ma-lai-xi-a 3. In-đô-nê-xi-a 4. Lãnh thổ Đài Loan	6/5/2013	Công ty TNHH POSCO VST và Công ty cổ phần Inox Hòa Bình	Quyết định số 4460/QĐ-BCT ngày 02/07/2013	Quyết định số 9990/QĐ-BCT ngày 25/12/2013	1. Trung Quốc: 6.45 - 6.99% 2. Indonexia: 12.03% 3. Malysia: 14.38% 4. Đài Loan: 13.23% (2 công ty) và 30.73% (1 công ty)	120 ngày kể từ 25/01/2014	Quyết định số 7896/QĐ-BCT ngày 05/09/2014	1. Trung Quốc: 4.64 - 6.87% 2. Indonexia: 3.07% 3. Malysia: 10.71% 4. Đài Loan: 13.79% (2 công ty) và 37.29% (1 công ty)	05 năm kể từ 05/10/2014	Chi tiết hồ sơ vụ việc; Đã tiến hành rà soát hàng năm lần thứ 2
		Tổng số vụ	**3**												